

Chương 2:

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

KHÁI QUÁT CHUNG

**I. Lý luận của C. Mác về Sản xuất
hàng hoá và hàng hóa**

**II. Thị trường và vai trò của thị
trường**

I.Lý luận của C.Mác về SXHH và hàng hóa

1. Sản xuất hàng hóa

Sản xuất hàng hóa là sản xuất ra sản phẩm để bán

**ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI
VÀ TỒN TẠI CỦA
SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

Có sự phân công
lao động xã hội

Có sự tách biệt tương
đối về KT giữa những
người sản xuất HH

Tại sao phân công LĐXH và sự tách biệt
tương đối về KT giữa những người SXHH là
điều kiện cần và đủ để cho nền SXHH phát triển?

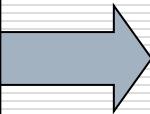
Phân công lao động xã hội

Sự chuyên môn hoá
SX, phân chia LĐXH vào
các ngành, các lĩnh
vực SX khác nhau



Vì sao PCLĐ xã hội là cơ sở, tiền đề của sản xuất hàng hóa?

Có sự tách biệt tương
đối về KT giữa những
người sản xuất HH



Là những người sản xuất
có tư cách pháp nhân
để quyết định SX cái gì?
SX như thế nào? SX cho ai?

Tại sao sản xuất hàng hoá là một phạm trù lịch sử?



Sản xuất gốm xây dựng tại
VIGLACERA



Quá trình dệt vải

2. Đặc trưng của sản xuất hàng hoá

Đặc trưng

SX HH là SX để trao đổi, mua bán

Lao động của người SXHH vừa mang tính tư nhân vừa mang tính XH



Lắp ráp ô tô

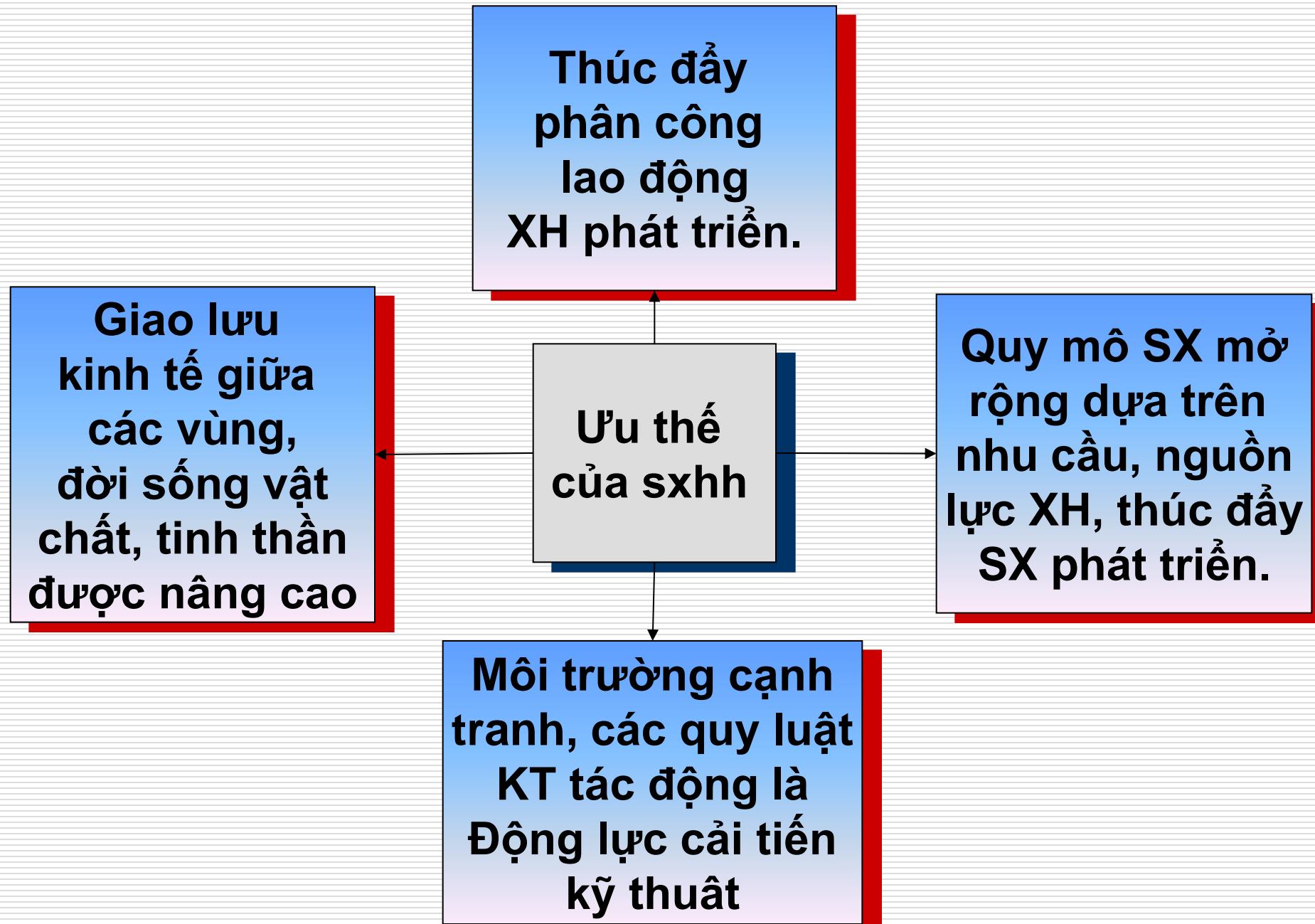


Mua bán trong siêu thị

SO SÁNH KTTN VỚI KTHH

Những đặc trưng	Kinh tế tự nhiên	Kinh tế hàng hoá
Mục đích sx	Thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của chính người sx	Để trao đổi mua bán, thoả mãn nhu cầu của xã hội
Tính chất, môi trường của sản xuất	Không có cạnh tranh, sx mang tính chất khép kín	Cạnh tranh, sản xuất mang tính chất "mở"
Trình độ kỹ thuật	Kỹ thuật thủ công, lạc hậu	Kỹ thuật cơ khí, hiện đại
Tính chất của sản phẩm	Mang tính hiện vật	Mang tính hàng hoá

Ưu thế của sản xuất hàng hoá



KINH
TẾ
HÀNG
HOÁ

ƯU
THẾ

HẠN
CHẾ



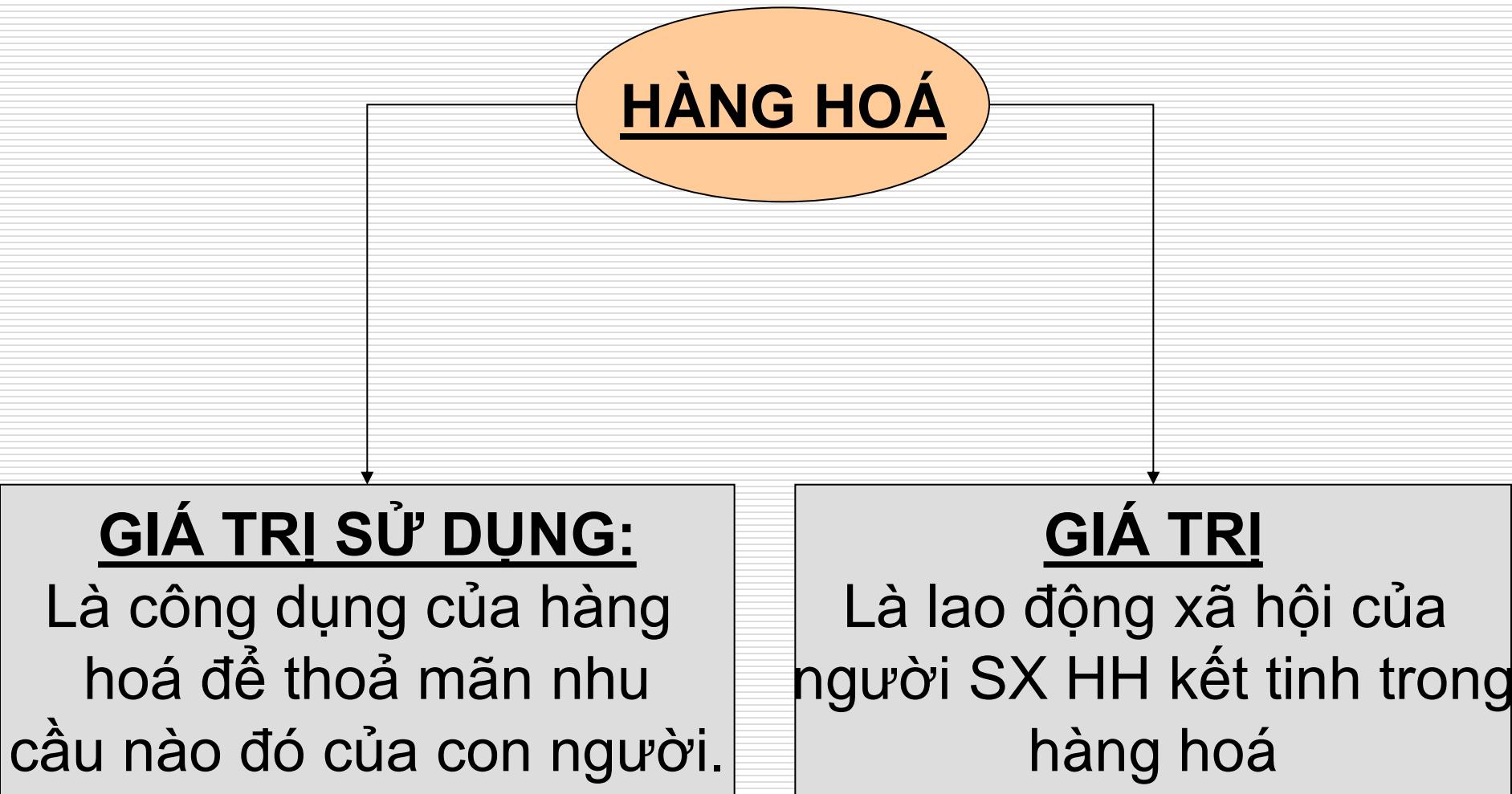
II. Hàng hoá

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá

HÀNG HOÁ

Là sản phẩm của lao động, có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán

b. Hai thuộc tính của Hàng hóa



GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

- Do thuộc tính TN của vật phẩm quyết định
- Có 1 hoặc nhiều GTSD
- Được phát hiện dần qua sự phát triển của KH-KT và LLSX
- Số lượng, chất lượng, chủng loại GTSD phụ thuộc trình độ phát triển của LLSX
- Là cái mang GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI

GIÁ TRỊ TRAO ĐỔI: Là quan hệ tỉ lệ về lượng trao đổi giữa các GTSD khác nhau.

Ví dụ: 1m vải = 5 kg thóc

1 tấm da = 1 rìu

2 cùn cùu = 1 vòng đeo cổ...

=> Tại sao các hàng hóa khác nhau lại có thể trao đổi với nhau theo 1 tỉ lệ nhất định?

Do các hàng hóa đều là kết tinh của lao động

GIÁ TRỊ

MỐI
QUAN
HỆ
GIỮA
HAI
THUỘC
TÍNH
CỦA
HÀNG
HOÁ

THÔNG
NHẤT

MÂU
THUẦN

Cùng tồn tại trong một hàng hoá

Với tư cách là GTSD, các HH không đồng nhất về chất, nhưng với tư cách GT, các HH đều là sự kết tinh của LĐ

Quá trình thực hiện GTSD và GT
tách rời nhau cả về không gian và
thời gian

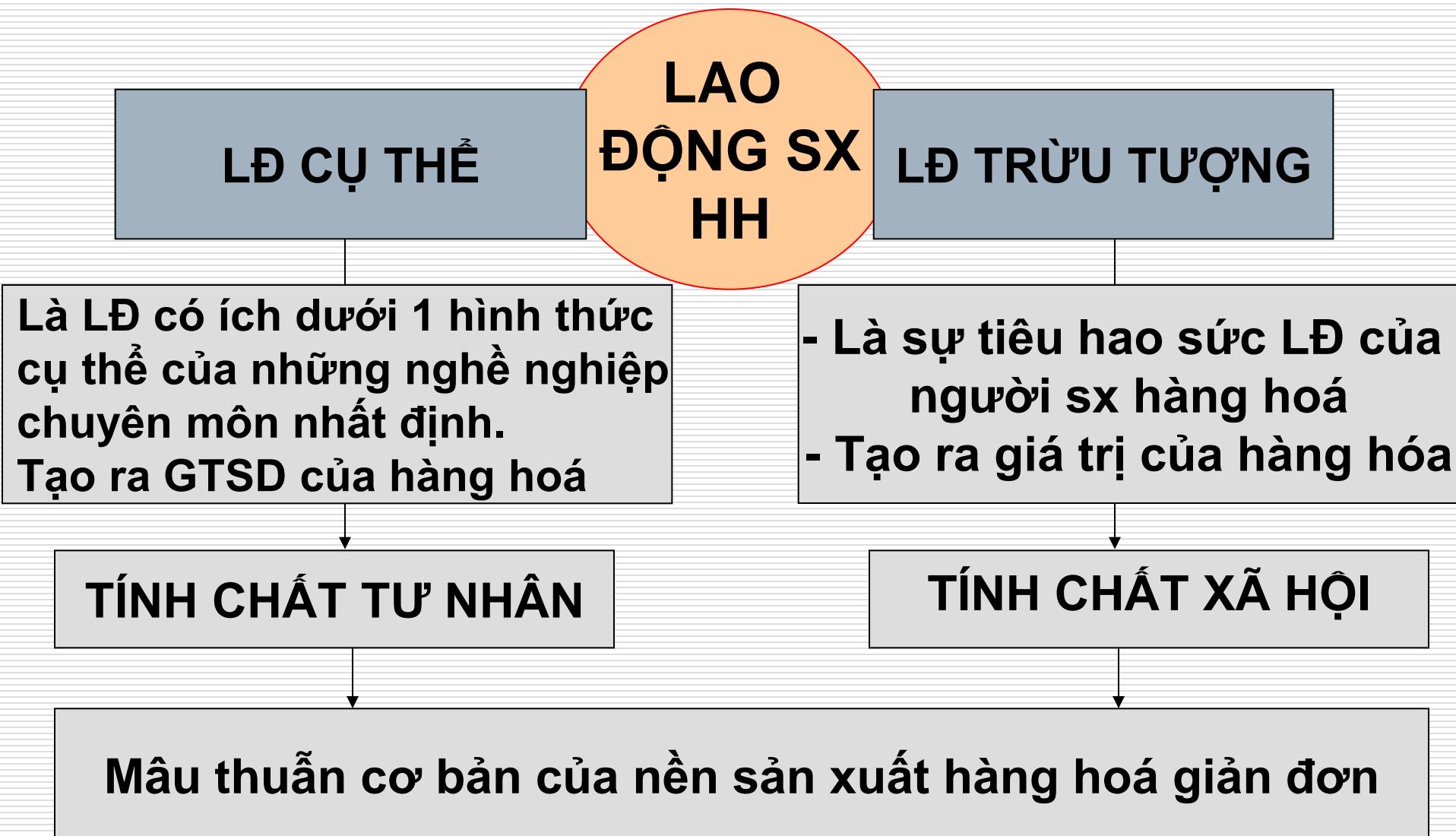
Nếu giá trị của hàng hoá không được thực hiện sẽ
dẫn đến khủng hoảng sản xuất thừa

Hệ số chênh lệch giữa nhóm giàu và nhóm nghèo (đơn vị: lần)

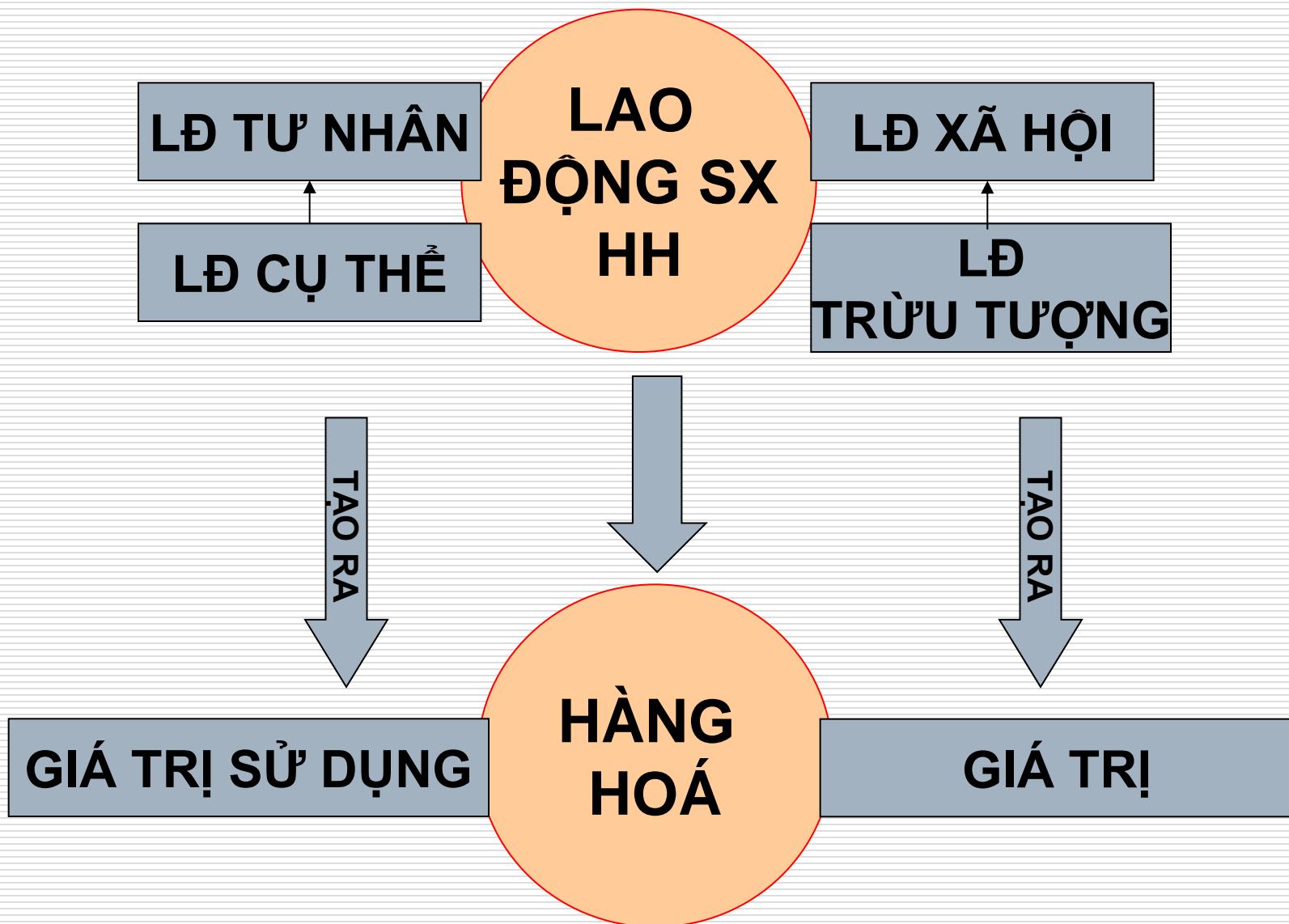




2.Tính chất hai mặt của lao động SXHH



* MỐI QUAN HỆ GIỮA TÍNH CHẤT HAI MẶT CỦA LAO ĐỘNG SX HÀNG HOÁ VỚI HAI THUỘC TÍNH CỦA HÀNG HOÁ





Thợ may



Thợ xây



Thợ mộc



Thợ hàn



Thợ đan lát

3. Lượng giá trị của hàng hoá và các yếu tố ảnh hưởng đến lượng GT của HH

**Lượng giá trị
của hàng hoá**

_
=

**Lượng thời gian lao động XH cần thiết
đã hao phí để sản xuất hàng hoá**

VÍ DỤ:

**Các nhóm
người sản xuất
hang hoa**

**Chi phí thời
gian lao động
để sản xuất
một đơn vị hàng
hoá A (giờ)**

**Số lượng hàng
hoá A do mỗi
nhóm sản
xuất đưa ra
thị trường**

**Thời gian lao
động xã hội
cần thiết quyết
định lượng giá
trị của một
đơn vị hàng
hoá A (giờ)**

I
II
III

6
8
10

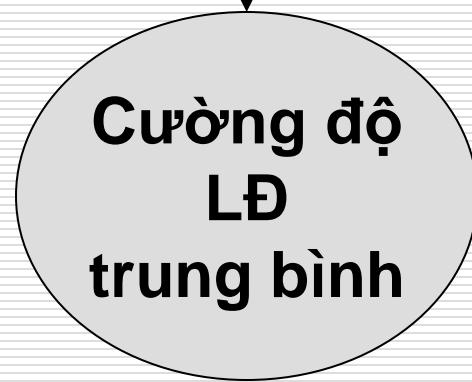
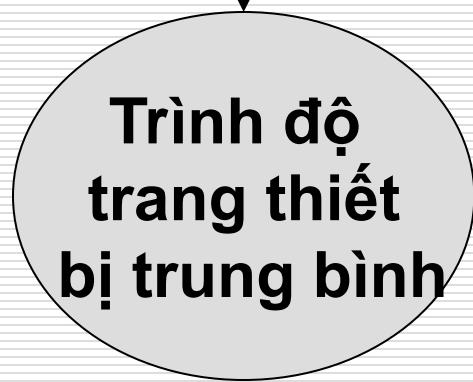
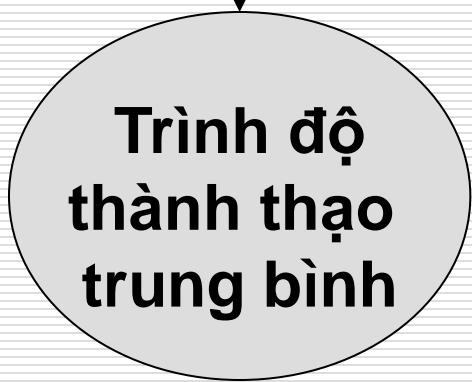
100
1000
200

8

Thời gian LĐXH
cần thiết



Là thời gian cần thiết để SX HH trong **điều kiện SX trung bình** của XH (thông thường thời gian LĐXH cần thiết gần sát với thời gian LĐ cá biệt của người SX ra đại bộ phận HH trên thị trường)



Vì sao việc trao đổi hàng hoá lại dựa vào
thời gian lao động xã hội cần thiết?

b. Những yếu tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng GT của HH

Năng suất
lao động

Mức độ phức
tạp của LĐ

- Trình độ phát triển của kỹ thuật - công nghệ
- Trình độ chuyên môn, lành nghề của người LĐ
- Trình độ tổ chức quản lý
- Các điều kiện tự nhiên

- Trong cùng một thời gian, LĐ phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn LĐ giản đơn.
- Trong trao đổi, mọi LĐ phức tạp được qui thành LD đơn giản trung bình



III. TIỀN TỆ

1. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC HÌNH THÁI CỦA GIÁ TRỊ

Các hình thái giá trị

Vật trao đổi

Ngang giá

Hình thái
giản đơn
(ngẫu nhiên)

1 con nai

=

1 cái rìu

**Hình thái
đầy đủ
(mở rộng)**

1 con nai

=

1 cái áo

10 đấu chè

10 kg thóc

0,2 gram vàng

v.v...

Các hình thái giá trị

Tương đối

Ngang giá

Hình thái
chung

1 cái áo

10 đấu chè

40 đấu café

0,2gram vàng

V.V...



=

Tấm da thú

Các hình thái giá trị

Tương đối

Ngang giá

Hình thái
Tiền

20 vuông vải

1 cái áo

10 đấu chè

40 đấu café

v.v...

=

0,2 gram
vàng

TRỞ THÀNH TIỀN TỆ

Nguyên nhân dẫn đến sự chuyển đổi các hình thái giá trị
từ giản đơn...đến tiền tệ?

Tại sao vàng lại có vai trò tiền tệ?

THUẦN NHẤT
(ĐỒNG CHẤT)

KHÔNG BỊ ÔXI HOÁ
(DỄ BẢO QUẢN)

VÀNG CÓ NHỮNG
THUỘC TÍNH TỰ
NHIÊN ĐẶC BIỆT
THÍCH HỢP VỚI VAI
TRÒ TIỀN TỆ

DỄ DÁT MỎNG, DỄ
CHIA NHỎ

VỚI THỂ TÍCH, TRỌNG
LƯỢNG NHỎ NHƯNG
CÓ GIÁ TRỊ CAO

b. Bản chất của tiền tệ

- Tiền ra đời là kết quả phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hoá.
- Tiền tệ là hàng hoá đặc biệt làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hoá, tiền là quan hệ xã hội, biểu hiện quan hệ giữa những người SX hàng hoá.

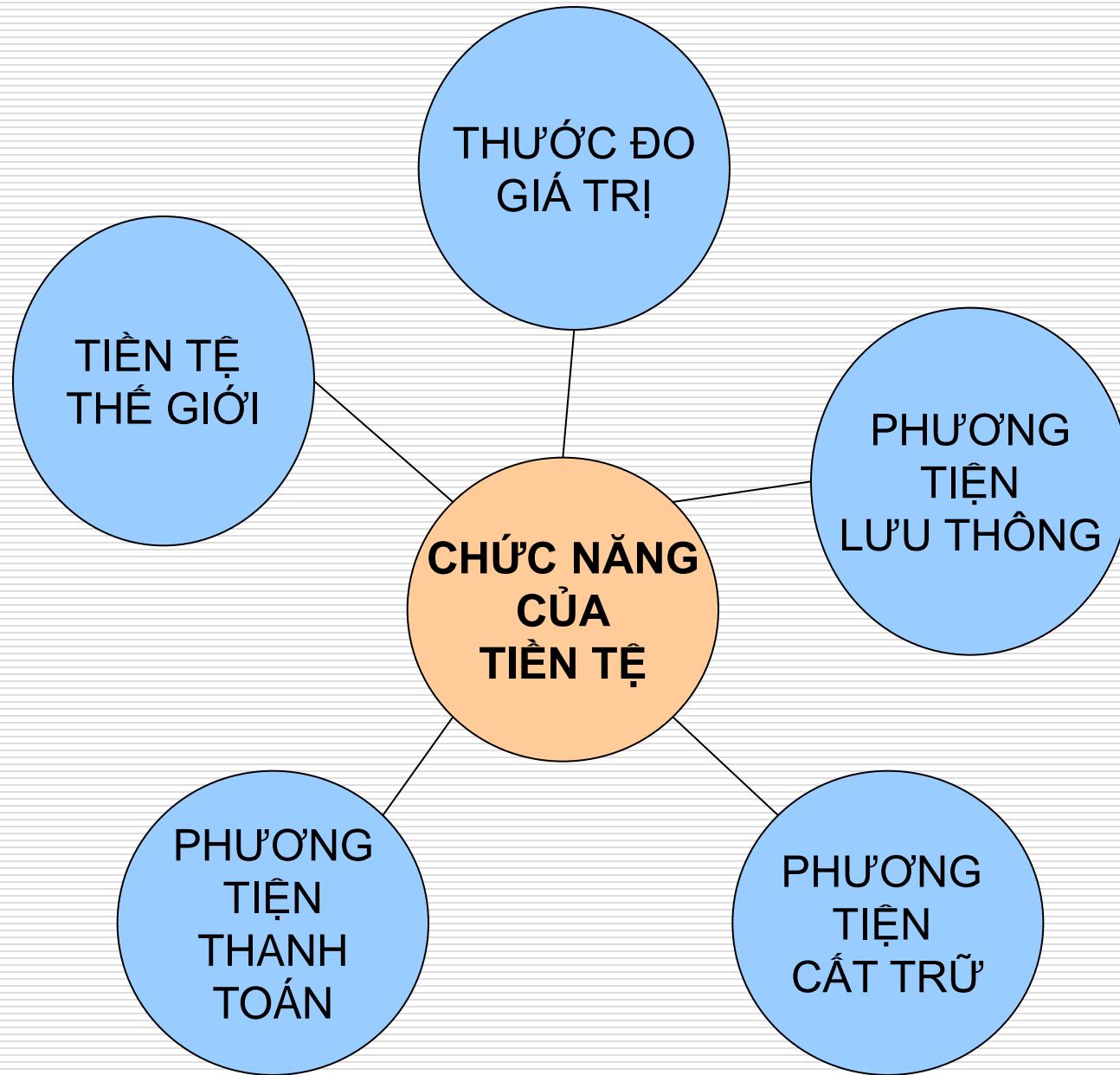


Tiền đúc cổ www.ancient-art.com/_ancgld.htm



Tiền giấy Việt nam

2. CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ



Thước đo giá trị

Tại sao tiền được dùng
làm thước đo
giá trị của hàng hóa ?



VÍ DỤ:

1 Con cừu

= 3 gr vàng

1m vải

= 0,1 gr vàng

} Giá cả

Phương tiện lưu thông

Tiền làm môi giới cho việc trao đổi , mua bán hàng
hoa (H-T-H)

Tại sao khi tiền thực hiện chức năng phương tiện lưu thông lại
bao hàm khả năng gây ra khủng hoảng?

Tiền thực hiện chức năng phương tiện lưu thông lại bao hàm khả năng gây ra khủng hoảng vì:

- Trước tiền giấy là tiền bản địa vị, tiền bản vị được bảo đảm bằng vàng và lượng tiền bản vị được phát hành tùy thuộc vào lượng vàng dự trữ ở trong mỗi quốc gia. Vì vậy hàm lượng vàng trong mỗi loại tiền ở các nước là khác nhau và lượng tiền in ra là có hạn định khi tiền giấy ra đời do sự đảm bảo của nhà nước và chấp nhận của người dân vì thế tiền giấy có thể in, khi tiền giấy in ra quá nhiều , giá trị giảm thì gây ra lạm phát
 - Lạm phát là một hiện tượng khủng hoảng tiền tệ, đồng tiền bị mất giá, vì tiền giấy không thực hiện được chức năng là phương tiện cất giữ. Do đó biểu hiện của lạm phát là mức giá chung của toàn bộ nền KT tăng lên.
-

Phương tiện cát trữ

-Tiền rút khỏi lưu thông và phải là tiền đủ giá trị

Tiền vàng hoặc
tiền bạc

Vàng thỏi hoặc
bạc nén

Đồ đặc bằng
vàng hoặc bằng bạc

Phương tiện thanh toán

-Tiền dùng để trả nợ, đóng thuế...

Tại sao khi chức năng phương tiện thanh toán được
thực hiện rộng rãi thì khả năng khủng hoảng tăng lên?



Vàng cát trữ



Thanh toán các dịch vụ

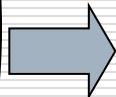
Tiền tệ thé giới

- Xuất hiện khi trao đổi hàng hoá vượt ra khỏi biên giới quốc gia
- Là tiền đủ giá trị và tiền tín dụng quốc tế



IV. Các quy luật kinh tế của sản xuất HH

1. QUI
LUẬT
GIÁ TRỊ



YÊU CẦU QL:
SX và trao đổi HH phải
dựa trên cơ sở hao phí
LĐXH
cần thiết



Là qui luật kinh tế cơ bản của
SXHH

TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ

Điều tiết
SX và
lưu thông
hàng hoá

Kích thích
cải tiến KT,
tăng NSLĐ,
hạ GTSP

Phân hoá
giàu nghèo

Điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác theo sự tác động của giá cả

Điều tiết HH từ nơi có giá thấp đến nơi giá cao

Người sản xuất muốn có lãi thì phải hạ thấp giá trị cá biệt hàng hoá của mình thấp hơn giá trị xã hội, do đó phải cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, từ đó hạ giá thành sản phẩm

Những người có điều kiện SX thuận lợi và thường xuyên thắng thế trong cạnh tranh thì trở thành giàu có, ngược lại những người không có điều kiện SX thuận lợi, lại gặp rủi ro thì thua lỗ, phá sản, nghèo khổ

2. QUI LUẬT CẠNH TRANH

- ***Khái niệm:*** Sự cạnh đua về kinh tế giữa các chủ thể trong nền SX HH để thu nhiều lợi ích nhất cho mình.
- ***Phân loại:*** Cạnh tranh giữa:
 - Người SX-TD, Người TD=TD, Người SX-SX
 - CT trong nội bộ ngành và CT giữa các ngành
- ***Biện pháp:***
 - Cạnh tranh giá cả
 - Cạnh tranh phi giá cả
- ***Vai trò:***
 - Tích cực: một trong những động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy SX phát triển.
 - Tiêu cực: cạnh tranh không lành mạnh gây tổn hại lợi ích XH, cộng đồng

Tại sao cạnh tranh là quy luật kinh tế khách quan của nền sản xuất hàng hoá?



Việt Nam ở vị trí trung tâm, có khả năng kết nối nhanh chóng với các thị trường có nền công nghệ cao như: Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Malaysia... Nguồn nhân lực năng động, thông minh và chịu khó học hỏi.



Lúa gạo là "mũi nhọn" cạnh tranh



Thị trường viễn thông đang diễn ra sự cạnh tranh khốc liệt



Các doanh nghiệp vận tải ôtô VN liệu đủ sức cạnh tranh khi gia nhập WTO?



Khó tìm được hàng hoá Made in Vietnam?



3. Qui luật cung cầu



Mối quan hệ giữa cung cầu và giá cả hàng hoá?

- 1.Tại sao cầu là nhu cầu có khả năng thanh toán?
- 2.Tại sao nói cung không đồng nhất với sản xuất?
- 3.Nêu ví dụ về mối quan hệ giữa giá cả với cung cầu và ngược lại?



Sản lượng tôm sú đang cung vượt cầu

4. Qui luật lưu thông tiền tệ và lạm phát

- Là quy luật quy định số lượng tiền cần thiết cho lưu thông ở mỗi thời kỳ nhất định.
- Khi tiền thực hiện chức năng phương tiện lưu thông thì:

$$M = \frac{P \cdot Q}{V}$$

M: lượng tiền cần thiết cho lưu thông

P: Mức giá cả hàng hoá

Q: Khối lượng hàng hoá đem ra lưu thông

V: Số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ



Giao dịch tại
Ngân hàng

- Khi tiền thực hiện cả chức năng phương tiện thanh toán thì:

$$\begin{aligned}
 \text{Số lượng tiền cần thiết cho lưu thông} &= \frac{\text{Tổng giá cả hàng hoá}}{\left(\frac{\text{Tổng giá cả hàng hoá bán chịu} + \text{Tổng giá cả hàng hoá khẩu trù cho nhau}}{2} \right)} \\
 &\quad + \text{Tổng giá cả hàng hoá bán chịu đến kỳ thanh toán}
 \end{aligned}$$

Số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ

LẠM PHÁT

KHÁI NIỆM

Là tình trạng mức giá chung của mọi HH tăng lên liên tục trong một thời gian nhất định

Mức độ của lạm phát

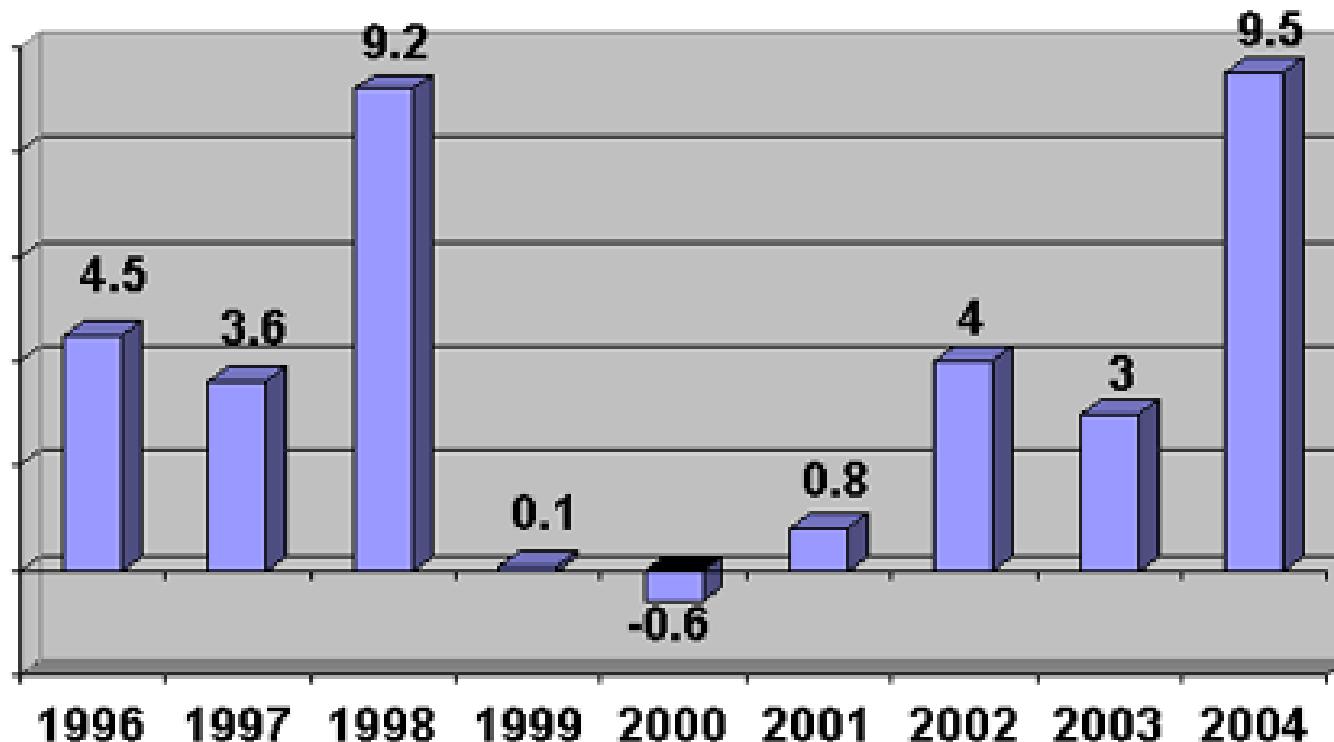
- Vừa phải (ở mức 1 con số , $< 10\%$)
- Phi mã (ở mức 2 con số , $> 10\%$)
- Siêu lạm phát(ở mức 3 con số trở lên)

HẬU QUẢ

- Phân phối lại các nguồn thu nhập
- Khuyến khích đầu cơ HH, cản trở SXKD.
- Giảm mức sống của người LĐ

Tại sao tích cực gửi tiền vào ngân hàng vừa ích nước, vừa lợi nhà

Chi số lạm phát từ năm 1996 đến năm 2004 (Đơn vị %)



V. THỊ TRƯỜNG

☐ Khái niệm:

- Nghĩa hẹp: Sự trao đổi mua bán hàng hoá gắn với một không gian, thời gian, địa điểm nhất định.



Chợ cóc Đà Lạt



Chợ trên sông (Cần Thơ)



Chợ phiên (Cao Bằng)

Chợ
quê
(Huế)





Sở giao dịch chứng khoán



Một siêu thị ở Nhật Bản

- Nghĩa rộng:

Là tổng thể các mối quan hệ và
hình thức trao đổi mua bán
hàng hoá trực tiếp hoặc gián
tiếp



Một siêu thị ở Pháp

PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG: Có nhiều tiêu chí khác nhau

Theo đối tượng giao dịch mua bán cụ thể

Theo ý nghĩa, vai trò các đối tượng mua bán

Theo tính chất, cơ chế vận hành

Theo qui mô và phạm vi các quan hệ kinh tế

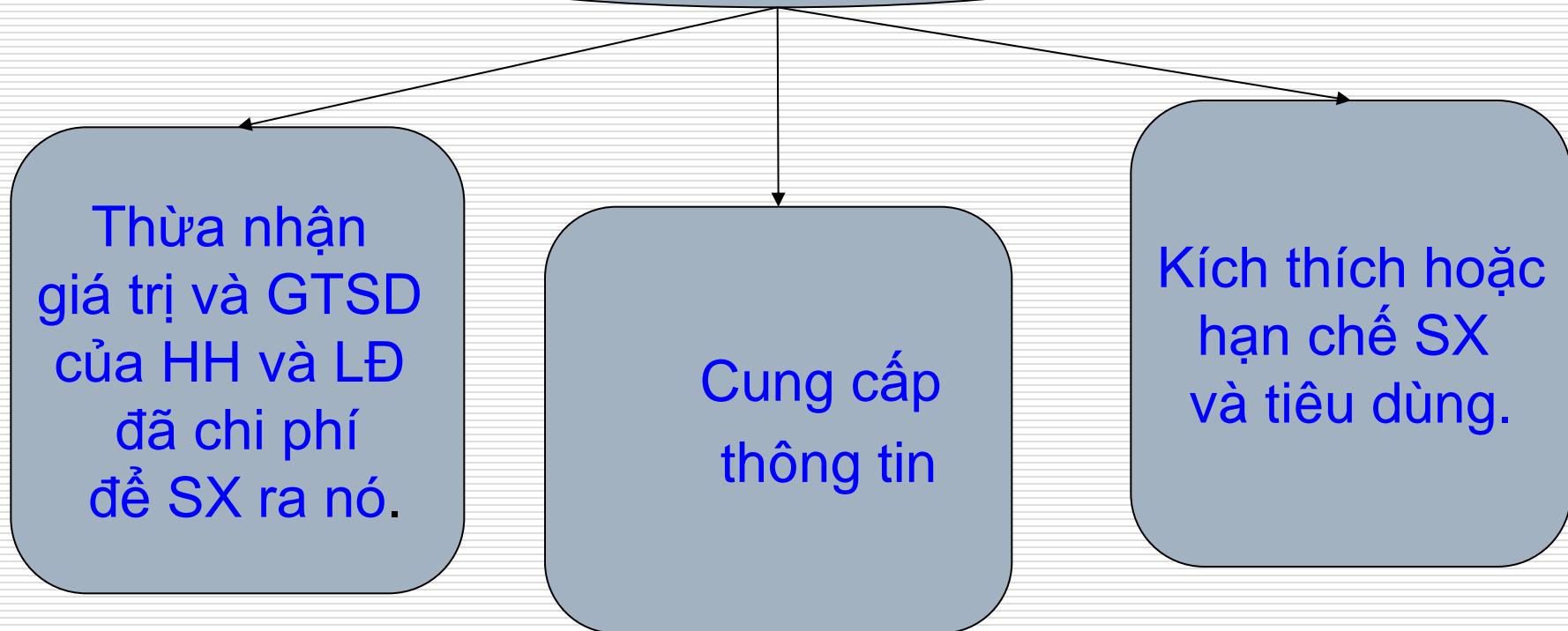
Thị trường: lúa gạo, dầu mỏ, ngoại tệ, chứng khoán

Thị trường các yếu tố SX, tư liệu tiêu dùng

Thị trường tự do, cạnh tranh, không hoàn hảo, tự do có điều tiết của chính phủ...

Thị trường địa phương, khu vực, trong nước, nước ngoài...

CHỨC NĂNG CỦA THỊ TRƯỜNG



Hãy nêu ví dụ vận dụng các chức năng của thị trường trong quản lý kinh tế và SX kinh doanh?

Giá cả thị trường

- Giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa.
- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của HH trên thị trường.
- Giá cả là công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý, điều tiết gián tiếp nền KT.

2 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến giá cả thị trường

